

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1293 /LĐTBXH-TCGDNN

V/v xin ý kiến góp ý các dự thảo Thông tư

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017

**TRƯỞNG ĐKT LÝ TỰ TRỌNG
TP. HỒ CHÍ MINH**

ĐẾN

Số: 247 Kính gửi:

Ngày: 08/11/17

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng 03 dự thảo Thông tư: Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp; Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp (dự thảo các Thông tư kèm theo).

Để tiếp tục hoàn thiện các dự thảo Thông tư trên theo quy định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, góp ý và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, 37B Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại/Fax: 043.974.5195; email: vunhagiao.tcgdnn@molisa.gov.vn) trước ngày 30/4/2017.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đoàn Mậu Diệp

Số: /2017/BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trình độ trung cấp, sơ cấp trong các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập).

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy trình độ trung cấp, sơ cấp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường sư phạm và giáo viên giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Mã số, phân hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp

Chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

1. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp hạng I Mã số: V.09.02.04
2. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II Mã số: V.09.02.05
3. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III Mã số: V.09.02.06
4. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV Mã số: V.09.02.07

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác của viên chức giáo dục nghề nghiệp quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp và Luật Viên chức.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Điều 4. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp hạng I - Mã số: V.09.02.05

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho học sinh thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của học sinh;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho học sinh giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

g) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

h) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở đào tạo;

i) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo;

k) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp trường hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

l) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết chuyên môn có bằng tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH)

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT) hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp hạng I.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức sâu rộng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn sản xuất, dịch vụ, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học được giải trong hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) nhà giáo đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) học sinh đạt giải trong Hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp quốc gia;

e) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài khoa học cấp trường hoặc cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

g) Có ít nhất 01 (một) bài báo khoa học đã được công bố tại tạp chí khoa học, hoặc đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp hạng I phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 5. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II - Mã số: V.09.02.05

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp hoặc giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho học sinh thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của học sinh;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho học sinh giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

g) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

h) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở đào tạo;

i) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo;

k) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp trường hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

l) Tham gia công tác quản lý, Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết chuyên môn có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Giáo viên giảng dạy trình độ sơ cấp đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức vững vàng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn sản xuất, dịch vụ, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

d) Đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học được giải trong hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc bồi dưỡng ít nhất 01 (một) giáo viên đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) học sinh đạt giải trong Hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

đ) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài khoa học cấp trường đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

e) Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 6. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III - Mã số: V.09.02.06

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành trình độ trung cấp hoặc giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho sinh viên thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

g) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

h) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy;

i) Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn;

k) Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học viên, học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết chuyên môn có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Giáo viên dạy trình độ sơ cấp đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; giáo viên dạy trình độ trung cấp đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

đ) Đối với giáo viên dạy trình độ sơ cấp có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của nghề;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy; kế hoạch đào tạo của cơ sở;

c) Biết tổ chức đào tạo nghề được phân công giảng dạy. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của nghề;

d) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học. Biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo. Biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

đ) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy. Riêng đối với giảng viên dạy thực hành: thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;

e) Viên chức giảng dạy trình độ sơ cấp thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV tối thiểu là 01 (một) năm.

Điều 7. Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV - Mã số: V.09.02.07

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy trình độ sơ cấp;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho học sinh, học viên thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả kiểm tra cuối khoá của học sinh, học viên;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách, quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun được phân công giảng dạy;

e) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dung, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

g) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

h) Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, Đoàn thể và các tổ chức xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của mô-đun được phân công giảng dạy;

b) Có kiến thức về các mô-đun liên quan trong nghề;

c) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của nghề được phân công giảng dạy;

d) Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề quy định trong chương trình môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ nghề được phân công giảng dạy.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG

THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 8. Nguyên tắc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch giáo viên trung học theo quy định tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức (sau đây viết tắt là Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV), nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II, mã số V.09.02.05 đối với giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp, sơ cấp hiện giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp, mã số 15.112.

2. Bổ nhiệm vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.02.06 đối với giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp, sơ cấp hiện giữ ngạch giáo viên trung học mã số 15.113.

3. Bổ nhiệm vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07 đối với giáo viên giảng dạy trình độ sơ cấp hiện giữ ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn, mã số 15c.207.

4. Đối với viên chức không giữ các ngạch 15.112, 15.113, 15c.207: Căn cứ vào vị trí việc làm, nếu đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp ở hạng nào thì bổ nhiệm vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp ở hạng đó.

Điều 10. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp hạng I, mã số V.09.02.04 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm A3.2 từ hệ số lương 5,75 đến hệ số lương 7,55;

b) Chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II, mã số V.09.02.05 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;

c) Chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.02.06 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào

các ngạch viên chức, công chức theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Khoản 1, Khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với một số ngạch công chức, viên chức mới được bổ sung hoặc có thay đổi về phân loại công chức, viên chức thuộc ngành thủy lợi, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thông tin, y tế và quản lý thị trường, được thực hiện như sau:

a) Viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và giữ nguyên thời gian xét nâng lương lần sau đang hưởng ở ngạch cũ vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm;

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A đang giảng dạy trình độ trung cấp, đã xếp ngạch giáo viên trung học (mã số 15.113), bậc 9/9, hệ số lương 4,98 và được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,98 kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.02.06) thì xếp vào bậc 9/9, hệ số lương 4,98 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,98 kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm; thời gian được tính hưởng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.

b) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số bậc lương đang hưởng ở ngạch cũ khác so với hệ số bậc lương ở chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm và chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ thì thực hiện như sau: Căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ để chuyển xếp sang bậc lương cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ, thì được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ, thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ;

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn B đang giảng dạy trình độ trung cấp, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại

A0, đã được xếp lương bậc 7/10 hệ số lương 3,96 từ ngày 01 tháng 6 năm 2015. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.02.06) thì xếp lương vào bậc 6/9, hệ số lương 3,99 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Thời gian xét nâng lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 vì chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ là 0,03 (3,99-3,96) nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ là 0,31 (4,27-3,96).

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn C đang giảng dạy trình độ trung cấp, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại A0, đã được xếp lương bậc 5/10 hệ số lương 3,34 từ ngày 01 tháng 6 năm 2015. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.02.06) thì xếp lương vào bậc 5/9, hệ số lương 3,66 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Thời gian xét nâng lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 vì chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ là 0,32 (3,66-3,34) lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ là 0,31 (3,65-3,34).

c) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số bậc lương đang hưởng ở ngạch cũ khác so với hệ số bậc lương ở chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm và đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ, thì căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở ngạch cũ để xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới;

d) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của chức danh nghề nghiệp mới, thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng của chức danh nghề nghiệp mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu

cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Thời gian hưởng lương (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn D đang giảng dạy trình độ sơ cấp, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại A0, đã được xếp lương bậc 10/10, hệ số lương 4,89 và được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,89. Như vậy, hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng của ông Nguyễn Văn D là 5,13 ($4,89 + 5\% \times 4,89$). Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Văn D đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV (mã số V.09.02.07) thì xếp lương vào bậc 12/12, hệ số lương 4,06 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV và hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu là 1,07 ($5,13 - 4,06$); thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Sau đó nếu ông Nguyễn Văn D có đủ tiêu chuẩn để hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung và đến ngày 01 tháng 06 năm 2020 được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu là 1,07 và phụ cấp thâm niên vượt khung là 0,20 ($5\% \times 4,06$) vào hệ số lương đang hưởng là 4,06 để xếp lương vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2020.

3. Xếp lương sau khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dạy trình độ trung cấp:

a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 3/9, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.02.06;

b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.02.06;

c) Trường hợp được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, hoặc có chứng nhận bậc thợ 5/6 hoặc 6/7 trở lên thì được xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.02.06.

4. Xếp lương sau khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dạy trình độ sơ cấp:

a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 6/12, hệ số lương 2,86 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07;

b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 5/12, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07;

c) Trường hợp được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, hoặc có chứng nhận bậc thợ 5/6 hoặc 6/7 trở lên thì được xếp bậc 5/12, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07

d) Trường hợp có trình độ đại học chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH thì được xếp bậc 3/12, hệ số lương 2,26 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07;

đ) Trường hợp có trình độ cao đẳng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Luật giáo dục năm 2005 chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp để dạy trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH thì được xếp bậc 2/12, hệ số lương 2,06 của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV, mã số V.09.02.07.

5. Việc thăng hạng viên chức giáo viên được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp được bổ nhiệm.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự.

3. Người đứng đầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng trong cơ sở đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong đơn vị;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng quy định tại Thông tư này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền;

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2017.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, Sở LĐTBXH các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

Số: /2017/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trình độ cao đẳng trong các trường cao đẳng công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy trình độ cao đẳng trong các trường cao đẳng công lập.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường sư phạm và giảng viên giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp

Chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trình độ cao đẳng trong các trường cao đẳng công lập bao gồm:

1. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) Mã số: V.09.01.01
2. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) Mã số: V.09.01.02
3. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp (hạng III) Mã số: V.09.01.03

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của giảng viên giáo dục nghề nghiệp

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác của viên chức giáo dục nghề nghiệp quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp và Luật viên chức.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số: V.09.01.01

1. Nhiệm vụ
 - a) Giảng dạy lý thuyết, hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ cao đẳng;
 - b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho sinh viên thông qua quá trình giảng dạy;
 - c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên;
 - d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;
 - đ) Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, sách tham khảo phục vụ giảng dạy;

g) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

h) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở đào tạo;

i) Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp trường hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

k) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo;

l) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH);

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT) hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết sâu rộng về thực tiễn sản xuất, dịch vụ, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức và hiểu biết sâu về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy; có khả năng đánh

giá, tổng kết các kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy để phổ biến cho các giảng viên, giáo viên áp dụng;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

d) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình, 01 (một) giáo trình chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy hoặc chủ trì biên soạn ít nhất 02 (hai) sách chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học được giải trong hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) học sinh đạt giải trong Hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp quốc gia và 01 (một) học sinh đạt giải trong hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp khu vực, quốc tế hoặc bồi dưỡng được ít nhất 03 (ba) học sinh đạt giải trong hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp quốc gia trở lên;

e) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) đề tài khoa học cấp trường hoặc 01 (một) đề tài cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

g) Có ít nhất 02 (hai) bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học hoặc được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 5. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.01.02

1. Nhiệm vụ

- a) Giảng dạy lý thuyết hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ cao đẳng;
- b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho sinh viên thông qua quá trình giảng dạy;
- c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên;
- d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;
- đ) Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy;

g) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

h) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở đào tạo;

i) Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo;

k) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hay sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở cấp trường hoặc ngành; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ; viết các báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước;

l) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức vững vàng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn sản xuất, dịch vụ, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học được giải trong hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đạt giải trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) học sinh đạt giải trong Hội thi tay nghề, hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

e) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài khoa học cấp trường hoặc cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

g) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 6. Giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III - Mã số: V.09.01.03

1. Nhiệm vụ

a) Giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành trình độ cao đẳng;

b) Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp cho sinh viên thông qua quá trình giảng dạy;

c) Đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên;

d) Hoàn thiện các biểu mẫu, sổ sách quản lý lớp học được bố trí, phân công giảng dạy theo quy định;

đ) Hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; luyện thi cho sinh viên giỏi tham gia kỳ thi các cấp;

e) Biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; góp ý kiến xây dựng chương trình, nội dung mô-đun, môn học được phân công giảng dạy;

g) Tham gia thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp;

h) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.

i) Tham gia bồi dưỡng cho nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của trường, khoa, bộ môn.

k) Nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học viên, học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất.

l) Tham gia sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ;

m) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác xã hội khác.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của nghề.

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy; kế hoạch đào tạo của cơ sở;

c) Biết tổ chức đào tạo nghề được phân công giảng dạy. Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của nghề;

d) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học. Biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo. Biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

đ) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy. Riêng đối với giảng viên dạy thực hành: thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy; biết tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG

THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng không được kết hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hoặc nâng bậc lương.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch giảng viên, giáo viên trung học theo quy định tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức (sau đây viết tắt là Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV); viên chức giảng dạy trình độ cao đẳng trong các trường cao đẳng công lập đã được bổ nhiệm vào các chức danh giảng viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV) và Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV) nay được bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I), mã số V.09.01.01 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh giảng viên cao cấp, mã số V.07.01.01.
2. Bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II), mã số V.09.01.02 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh giảng viên chính, mã số V.07.01.02 và ngạch giáo viên trung học cao cấp, mã số 15.112.
3. Bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp (hạng III), mã số V.09.01.03 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh giảng viên, mã số V.07.01.03 và ngạch giáo viên trung học, mã số 15.113.
4. Đối với viên chức giáo dục nghề nghiệp không giữ các ngạch 15.112, 15.113: Căn cứ vào vị trí việc làm, nếu đủ tiêu chuẩn chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp ở hạng nào thì bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp ở hạng đó.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), như sau:

- a) Chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I), mã số V.09.01.01 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm A3.1 từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

b) Chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II), mã số V.09.01.02 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

c) Chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp (hạng III), mã số V.09.01.03 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

2. Việc chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức, công chức theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch số 81/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với một số ngạch công chức, viên chức mới được bổ sung hoặc có thay đổi về phân loại công chức, viên chức thuộc ngành thủy lợi, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thông tin, y tế và quản lý thị trường được thực hiện như sau:

a) Viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và giữ nguyên thời gian xét nâng lương lần sau đang hưởng ở ngạch cũ vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp mới được bổ nhiệm;

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A đang giảng dạy trình độ cao đẳng, đã xếp ngạch giáo viên trung học (mã số 15.113), bậc 9/9, hệ số lương 4,98 và được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,98 kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.01.03) thì xếp vào bậc 9/9, hệ số lương 4,98 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,98 kể từ ngày ký quyết định; thời gian được tính hưởng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung được tính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.

b) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số bậc lương khác so với hệ số bậc lương ở chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm và chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ thì thực hiện như sau: Căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ để chuyển xếp sang bậc lương cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ, thì được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ, thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn B đang giảng dạy trình độ cao đẳng, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại A0, đã được xếp lương bậc 7/10 hệ số lương 3,96 từ ngày 01 tháng 6 năm 2015. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.01.03) thì xếp lương vào bậc 6/9, hệ số lương 3,99 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Thời gian xét nâng lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 vì chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ là 0,03 (3,99-3,96) nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ là 0,31 (4,27-3,96).

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn C đang giảng dạy trình độ cao đẳng, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại A0, đã được xếp lương bậc 5/10 hệ số lương 3,34 từ ngày 01 tháng 6 năm 2015. Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.01.03) thì xếp lương vào bậc 5/9, hệ số lương 3,66 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Thời gian xét nâng lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 vì chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới với hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ là 0,32 (3,66-3,34) lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 (hai) bậc lương liền kề ở ngạch cũ là 0,31 (3,65-3,34).

c) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp có hệ số bậc lương khác so với hệ số bậc lương ở chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm và đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ, thì căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở ngạch cũ để xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới;

d) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của chức danh nghề nghiệp mới, thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng của chức danh nghề nghiệp mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Thời gian hưởng lương (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ

số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn D đang giảng dạy trình độ cao đẳng, đã xếp ngạch giáo viên trung học chưa đạt chuẩn (mã số 15c.207) thuộc viên chức loại A0, đã được xếp lương bậc 10/10, hệ số lương 4,89 và được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 5% mức lương của bậc lương 4,89. Như vậy, hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng của ông Nguyễn Văn D là 5,13 ($4,89 + 5 \times 4,89$). Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Văn D đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III (mã số V.09.01.03) thì xếp lương vào bậc 9/9, hệ số lương 4,98 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III và hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu là 0,15 ($5,13 - 4,98$); thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Sau đó nếu ông Nguyễn Văn D có đủ tiêu chuẩn để hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung và đến ngày 01 tháng 6 năm 2021 được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu là 0,15 và phụ cấp thâm niên vượt khung là 0,25 ($5\% \times 4,98$) vào hệ số lương đang hưởng là 4,98 để xếp lương vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính hạng II khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.

3. Chuyển xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp: Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 3/9, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.01.03;

b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì được xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.01.03;

c) Trường hợp được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, hoặc có chứng nhận bậc thợ 5/6 hoặc 6/7 trở lên thì được xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng III, mã số V.09.01.03

4. Việc thăng hạng viên chức giảng viên giáo dục nghề nghiệp được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV, Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp được bổ nhiệm.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giảng viên trong các trường cao đẳng công lập.

2. Các trường cao đẳng ngoài công lập được vận dụng các quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự.

3. Người đứng đầu các trường cao đẳng công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng trong cơ sở đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong đơn vị;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong các trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng quy định tại Thông tư này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp tương ứng theo thẩm quyền;

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trong các trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2017.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, Sở LĐTBXH các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

Số: /2017/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 113/2015/NĐ-CP).

Điều 1. Hướng dẫn về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP bao gồm nhà giáo và cán bộ quản lý (sau đây gọi là nhà giáo) dạy tích hợp; nhà giáo là nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú trở lên và người có trình độ kỹ năng nghề cao dạy thực hành; nhà giáo dạy người khuyết tật; nhà giáo dạy thực hành, tích hợp ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh sách trả lương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập).

2. Cán bộ quản lý quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; viên chức phòng đào tạo; viên chức phòng quản lý học viên, học sinh, sinh viên; viên chức phòng khảo thí và bảo đảm chất lượng trực tiếp giảng dạy theo quy định.

3. Người có trình độ kỹ năng nghề cao quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên; người có chứng nhận bậc thợ 5/6, 6/7 trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hoặc quyết định hưởng lương bậc thợ 5/6, 6/7 trở lên theo bảng lương quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước.

Điều 2. Hướng dẫn về cách tính, hưởng phụ cấp đặc thù quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Tiền phụ cấp đặc thù đối với nhà giáo dạy tích hợp.

Tiền phụ cấp đặc thù = {[Hệ số lương theo ngạch, bậc + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng] x Mức lương cơ sở} / [Số giờ dạy định mức trong năm/12 (tháng)] x Số giờ dạy tích hợp thực tế trong tháng x 10%.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A là nhà giáo dạy tích hợp trong trường cao đẳng; hệ số lương hiện hưởng 4,98; mức phụ cấp thâm niên vượt khung hiện hưởng 5%; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 450 giờ; số giờ dạy tích hợp thực tế trong tháng là 20 giờ. Tiền phụ cấp đặc thù mà Bà Nguyễn Thị A được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp đặc thù = [(4,98 + 5% x 4,98) x 1.210.000 đồng] / [450 giờ/12 (tháng)] x 20 giờ x 10% = 337.445 đồng.

2. Tiền phụ cấp đặc thù đối với nhà giáo là nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú trở lên và người có trình độ kỹ năng nghề cao dạy thực hành.

Tiền phụ cấp đặc thù = {[Hệ số lương theo ngạch, bậc + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng] x Mức lương cơ sở} / [Số giờ dạy định mức trong năm/12 (tháng)] x Số giờ dạy thực hành thực tế trong tháng x 10%.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn B là nhà giáo có chứng nhận bậc thợ 6/7 dạy thực hành trong trường cao đẳng; hệ số lương hiện hưởng 3,66; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 400 giờ; số giờ dạy thực hành thực tế trong tháng là 15 giờ. Tiền phụ cấp đặc thù mà Ông Nguyễn Văn B được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp đặc thù = (3,66 x 1.210.000 đồng) / [400 giờ /12 (tháng)] x 15 giờ x 10% = 199.287 đồng.

Điều 3. Hướng dẫn về cách tính, hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo chuyên trách dạy người khuyết tật quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Thời gian không được tính, hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc dạy người khuyết tật:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

b) Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng;

c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

d) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội hiện hành;

đ) Thời gian bị đình chỉ giảng dạy.

2. Cách tính tiền phụ cấp ưu đãi dạy người khuyết tật hàng tháng.

Tiền phụ cấp ưu đãi = [Hệ số lương theo ngạch, bậc + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng] x Mức lương cơ sở x Mức phụ cấp ưu đãi được hưởng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn C Là nhà giáo chuyên trách dạy người khuyết tật trong lớp học dành riêng cho người khuyết tật thì mức phụ cấp ưu đãi được hưởng là 70%; hệ số lương hiện hưởng 3,66; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng. Tiền phụ cấp ưu đãi mà Ông Nguyễn Văn C được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp ưu đãi = 3,66 x 1.210.000 đồng x 70% = 3.100.020 đồng.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị D là nhà giáo chuyên trách dạy người khuyết tật trong lớp hòa nhập có 15% học viên là người khuyết tật thì mức phụ cấp ưu đãi được hưởng là 40%; hệ số lương hiện hưởng 3,66; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng. Tiền phụ cấp ưu đãi mà Bà Nguyễn Thị D được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp ưu đãi = 3,66 x 1.210.000 đồng x 40% = 1.771.400 đồng.

3. Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm công việc dạy người khuyết tật hàng tháng

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = Mức phụ cấp trách nhiệm công việc được hưởng x Mức lương cơ sở.

Ví dụ 1: Trường hợp Ông Nguyễn Văn C tại ví dụ 1 thuộc khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,3. Tiền phụ cấp trách nhiệm dạy người khuyết tật mà Ông Nguyễn Văn C được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = 0,3 x 1.210.000 đồng = 363.000 đồng.

Ví dụ 2: Trường hợp Bà Nguyễn Thị D tại ví dụ 2 thuộc khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm công việc là 0,2. Tiền phụ cấp trách nhiệm dạy người khuyết tật mà Bà Nguyễn Thị D được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = 0,2 x 1.210.000 đồng = 242.000 đồng.

4. Phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo chuyên trách dạy người khuyết tật được trả cùng kỳ lương hàng tháng (kể cả thời gian nghỉ hè), không dùng để tính, đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Điều 4. Hướng dẫn về cách tính, hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo không chuyên trách dạy người khuyết tật quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Cách tính tiền phụ cấp ưu đãi dạy người khuyết tật hàng tháng

Tiền phụ cấp ưu đãi = {[Hệ số lương theo ngạch, bậc + hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng] x Mức lương cơ sở} / [Số giờ dạy định mức trong năm/12 (tháng)] x Số giờ dạy người khuyết tật thực tế trong tháng x Mức phụ cấp ưu đãi được hưởng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn Đ là nhà giáo không chuyên trách dạy người khuyết tật trong lớp học dành riêng cho người khuyết tật thì mức phụ cấp ưu đãi được hưởng là 40%; hệ số lương hiện hưởng 3,66; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 480 giờ; số giờ dạy người khuyết tật thực tế trong tháng là 20 giờ. Tiền phụ cấp ưu đãi mà Nguyễn Văn Đ được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp ưu đãi = (3,66 x 1.210.000 đồng) / [480 giờ/12 (tháng)] x 20 giờ x 40% = 885.720 đồng.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị E là nhà giáo không chuyên trách dạy người khuyết tật trong lớp hòa nhập có 35% học viên là người khuyết tật thì mức phụ cấp ưu đãi được hưởng là 20%; hệ số lương hiện hưởng 3,66; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 480 giờ; số giờ dạy người khuyết tật thực tế trong tháng là 20 giờ. Tiền phụ cấp ưu đãi mà Ông Hoàng Văn Đ được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp ưu đãi = (3,66 x 1.210.000 đồng) / [480 giờ / 12 (tháng)] x 20 giờ x 20% = 442.860 đồng.

2. Cách tính tiền phụ cấp trách nhiệm công việc hàng tháng

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = (Mức phụ cấp trách nhiệm công việc được hưởng x Mức lương cơ sở) / [Số giờ dạy định mức trong năm/12 (tháng)] x Số giờ dạy người khuyết tật thực tế trong tháng.

Ví dụ 1: Trường hợp Ông Nguyễn Văn Đ tại ví dụ 1 thuộc khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc mức 0,3. Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc mà Ông Nguyễn Văn Đ được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = (0,3 x 1.210.000 đồng) / [480 giờ / 12 (tháng)] x 20 giờ = 181.500 đồng

Ví dụ 2: Trường hợp Bà Nguyễn Thị E tại ví dụ thuộc khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc mức 0,2. Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc mà Bà Nguyễn Thị E được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp trách nhiệm công việc = (0,2 x 1.210.000 đồng) / [480 giờ / 12 (tháng)] x 20 giờ = 121.000 đồng.

Điều 5. Hướng dẫn về cách tính, hưởng phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại Điều 12 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Căn cứ quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP, Hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm xác định mức phụ cấp đối với nhà giáo dạy thực hành, tích hợp ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho phù hợp.

2. Cách tính tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm = (Mức phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng x Mức lương cơ sở) / [Số giờ dạy định mức trong năm/12 (tháng)] x Số giờ dạy thực hành, tích hợp ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thực tế trong tháng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn F là nhà giáo dạy thực hành nghề Hàn tại xưởng thực hành của trường (tiếp xúc trực tiếp với khí độc) thì mức phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng là 0,1; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 480 giờ; số giờ thực hành thực tế trong tháng là 30 giờ. Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Ông Nguyễn Văn F được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm = $(0,1 \times 1.210.000 \text{ đồng}) / [480 \text{ giờ} / 12 \text{ (tháng)}] \times 30 \text{ giờ} = 90.750 \text{ đồng}.$

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị G là nhà giáo dạy thực hành nghề Hàn trong hầm tàu, hầm xà lan (tiếp xúc trực tiếp với khí độc và môi trường thiếu dưỡng khí) thì mức phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng là 0,2; mức lương cơ sở 1.210.000 đồng; số giờ dạy định mức trong năm là 480 giờ; số giờ thực hành thực tế trong tháng là 30 giờ. Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà Bà Nguyễn Thị G được hưởng hàng tháng tính như sau:

Tiền phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm = $(0,2 \times 1.210.000 \text{ đồng}) / [480 \text{ giờ} / 12 \text{ (tháng)}] \times 30 \text{ giờ} = 181.500 \text{ đồng}.$

Điều 6. Hướng dẫn về nguồn kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp đối với nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp đối với nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo và giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động: Kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động: Kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp được đảm bảo từ nguồn thu tự đảm bảo kinh phí hoạt động của đơn vị.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, xét duyệt và tổng hợp báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp nhà giáo vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo các quy định hiện hành về việc xác định nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở hàng năm và gửi Bộ Tài chính xem xét, thẩm định theo quy định.

2. Việc lập và phân bổ dự toán, quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Hướng dẫn về hiệu lực và trách nhiệm thi hành quy định tại Điều 12, 13 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2017.

2. Các chế độ phụ cấp đối với nhà giáo quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3. Trách nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

a) Căn cứ quy định của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP và Thông tư này; căn cứ thời gian giảng dạy của nhà giáo, trên cơ sở hồ sơ, kế hoạch giảng dạy và các tài liệu có liên quan; đơn vị trực tiếp quản lý, trả lương cho nhà giáo có trách nhiệm xét duyệt mức phụ cấp và lập dự toán nhu cầu thực hiện phụ cấp đối với nhà giáo cùng kỳ với lập dự toán ngân sách chi thường xuyên theo Biểu 01 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp thẩm định và quyết định;

b) Giải quyết truy lĩnh và thực hiện chi trả tiền phụ cấp đối với nhà giáo thuộc đối tượng được hưởng theo quy định của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này sau khi được cấp có thẩm quyền quản lý nhà giáo quyết định phê duyệt.

4. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà giáo

Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà giáo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ phụ cấp đối với nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc đảm bảo theo đúng quy định của Thông tư này. Đồng thời có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp theo các Biểu 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, TCDN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2017/TT-BLĐTBXH ngày.....tháng.....năm 2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Hệ số lương theo ngạch, bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung (quy theo hệ số)	Tổng hệ số	Mức lương cơ sở	Số giờ dạy định mức trong năm	Số giờ dạy tích hợp theo kế hoạch trong năm	Số giờ dạy thực hành theo kế hoạch trong năm *	Số giờ dạy người khuyết tật theo kế hoạch trong năm	Số giờ dạy hành/ tích hợp ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo kế hoạch trong năm	Mức phụ cấp đặc thù được hưởng (10%)	Mức phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo chuyên trách dạy người khuyết tật (NKT) được hưởng	Mức phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo chuyên trách dạy NKT được hưởng	Mức phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo không chuyên trách dạy NKT được hưởng	Mức phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo chuyên trách dạy NKT được hưởng	Mức phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng	Kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp ưu đãi dạy NKT của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp trách nhiệm công việc dạy NKT của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của năm	Tổng kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp của năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Nguyễn Thị A	1965	4.98		0.249	5.229	1,210,000	450	240				10%						4,049,338				4,049,338
2	Nguyễn Văn B	1970	3.66			3.66	1,210,000	400		180			10%						2,391,444				2,391,444
3	Nguyễn Văn C	1980	3.66			3.66	1,210,000							70%	0.3					37,200,240	4,356,000		41,556,240
4	Nguyễn Thị D	1980	3.66			3.66	1,210,000							40%	0.2					21,257,280	2,904,000		24,161,280
5	Nguyễn Văn Đ	1980	3.66			3.66	1,210,000	480			240					40%	0.3			10,628,640	2,178,000		12,806,640
6	Nguyễn Văn F	1980					1,210,000	480				360						0.1				1,089,000	1,089,000
																							-
																							-
																							-
																							-
	Tổng số																		6,440,782	69,086,160	9,438,000	1,089,000	86,053,942

$$\text{- Cột 24} = \text{Cột 20} + \text{Cột 21} + \text{Cột 22} + \text{Cột 23}.$$

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO NHU CẦU THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2017/TT-BLĐTBXH ngày.....tháng.....năm 2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp ưu đãi dạy người khuyết tật của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp trách nhiệm công việc dạy người khuyết tật của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của năm	Tổng kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp của năm
1	2	3	4	5	6	7=3+4+5+6
1	Khối tỉnh, thành phố					
1.1	Trường Cao đẳng A					
1.2	Trường Cao đẳng B					
1.3	Trường Trung cấp C					
						
2	Khối quận, huyện					
2.1	Huyện A					
2.2	Huyện B					
						
	Tổng số					

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng.....năm.....
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2017/TT-BLĐTBXH ngày.....tháng.....năm 2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kinh phí thực hiện phụ cấp đặc thù của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp ưu đãi dạy người khuyết tật của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp trách nhiệm công việc dạy người khuyết tật của năm	Kinh phí thực hiện phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của năm	Tổng kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp của năm
1	2	3	4	5	6	7=3+4+5+6
1	Trường Cao đẳng A					
2	Trường Cao đẳng B					
3	Trường Trung cấp C					
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp D					
						
	Tổng số					

.....ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

